

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán



NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6-9
Báo cáo Kết quả kinh doanh	10-10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	11-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-21



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp ngày 31/10/2007; Thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 20/10/2008; thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 10/06/2009.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dùng năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện; Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM); Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và và hoàn thiện; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc, thiết kế qui hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kiểm định công trình xây dựng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000đ.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là lãi 934.343.987 VND
Lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là (2.528.816.587) VND. Năm 2009 Công ty tiến hành chuyển lỗ cho năm 2007 với số tiền là 491.027.069 VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam

Địa chỉ: 198 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Quốc Hưng	Ủy viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Anh Thái	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Tài Anh	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bài	Phó tổng giám đốc
Ông Ngô Vũ An	Phó tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán ngày 29/06/2006, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam

Địa chỉ: 198 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Hà nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Tuấn Ngọc

Hà nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Ngọc

Số: 537/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính năm 2009 của
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam lập ngày 05 tháng 01 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2010

**Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán
Việt Nam (AVA)
Giám đốc**



Th.s Nguyễn Minh Hải
Chứng chỉ KTV số: 0287/KTV

Kiểm toán viên



Nguyễn Việt Long
Chứng chỉ KTV số: 0692/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số TÀI SẢN	TM	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.504.913.235	18.253.962.151
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.629.226.062	10.557.664.377
111 1. Tiền	V.01	1.629.226.062	10.557.664.377
112 2. Các khoản tương đương tiền			
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	5.000.000.000	
121 1. Đầu tư ngắn hạn		5.000.000.000	
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.869.386.135	692.734.578
131 1. Phải thu khách hàng		2.409.642.502	
132 2. Trả trước cho người bán		5.211.680.000	638.120.818
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD			
135 5. Các khoản phải thu khác	V.03	248.063.633	54.613.760
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140 IV. Hàng tồn kho	V.04	6.630.390.881	6.399.250.924
141 1. Hàng tồn kho		6.630.390.881	6.399.250.924
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		375.910.157	604.312.272
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn			197.824.626
152 3. Thuế GTGT được khấu trừ			248.606.859
154 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05		
158 4. Tài sản ngắn hạn khác		375.910.157	157.880.787
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.870.822.751	1.373.396.320
210 I. Các khoản phải thu dài hạn			
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213 3. Phải thu dài hạn nội bộ	V.06		
218 4. Phải thu dài hạn khác	V.07		
219 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220 II. Tài sản cố định		1.093.802.351	1.373.396.320
221 1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	1.037.969.017	1.373.396.320
222 - Nguyên giá		1.955.482.059	1.852.767.455
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(917.513.042)	(479.371.135)
224 2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09		
225 - Nguyên giá			
226 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227 3. Tài sản cố định vô hình	V.10	55.833.334	
228 - Nguyên giá		67.000.000	
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.166.666)	
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11		

240 III. Bất động sản đầu tư	V.12		
241 - Nguyên giá			
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
251 1. Đầu tư vào công ty con			
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258 3. Đầu tư dài hạn khác	V.13		
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260 V. Tài sản dài hạn khác		777.020.400	
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	125.246.900	
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.21		
268 3. Tài sản dài hạn khác		651.773.500	
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.375.735.986	19.627.358.471

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số NGUỒN VỐN	TM	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		5.915.561.348	8.491.519.045
310 I. Nợ ngắn hạn		5.915.561.348	8.491.519.045
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15		
312 2. Phải trả người bán			
313 3. Người mua trả tiền trước		3.981.786.350	6.834.528.000
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	297.991.244	81.839.025
315 5. Phải trả người lao động			1.035.879.821
316 6. Chi phí phải trả	V.17	1.541.594.452	191.738.021
317 7. Phải trả nội bộ		25.437.000	25.437.000
318 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD			
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.18	68.752.302	322.097.178
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
330 II. Nợ dài hạn			
331 1. Phải trả dài hạn người bán			
332 2. Phải trả dài hạn nội bộ	V.19		
333 3. Phải trả dài hạn khác			
334 4. Vay và nợ dài hạn	V.20		
335 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.21		
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337 7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.460.174.638	11.135.839.426
410 I. Vốn chủ sở hữu	V.22	17.471.183.413	11.135.839.426
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.000.000.000	14.599.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần			
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417 7. Quỹ đầu tư phát triển			
418 8. Quỹ dự phòng tài chính			
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.528.816.587)	(3.463.160.574)
421 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430 II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(11.008.775)	
431 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(11.008.775)	
432 2. Nguồn kinh phí	V.23		
433 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.375.735.986	19.627.358.471

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
001 1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
002 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
003 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
004 4. Nợ khó đòi đã xử lý			
007 5. Ngoại tệ các loại			
008 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Phùng Lan Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đảm

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2009

Mã số CHỈ TIÊU	TM	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2009	Năm 2008
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	17.955.812.997	1.018.465.455
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.26		
10 3. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dv	VI.27	17.955.812.997	1.018.465.455
11 4. Giá vốn hàng bán	VI.28	14.007.817.037	802.903.054
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dv		3.947.995.960	215.562.401
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	840.788.951	656.820.414
22 7. Chi phí tài chính	VI.30		57.973.103
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay			
24 8. Chi phí bán hàng			
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.756.800.485	3.588.918.238
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.031.984.426	(2.774.508.526)
31 11. Thu nhập khác			375.021
32 12. Chi phí khác		3.603.517	156.000.000
40 13. Lợi nhuận khác		(3.603.517)	(155.624.979)
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.028.380.909	(2.930.133.505)
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.31	94.036.922	
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.32		
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>934.343.987</u>	<u>(2.930.133.505)</u>
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		<u>621</u>	

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu



Phùng Lan Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đăm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2009

Đơn vị tính: VND
Năm 2008

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		14.619.010.146	7.954.840.000
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(9.694.002.822)	(1.021.970.023)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.550.886.591)	(3.824.073.464)
04	4. Tiền chi trả lãi vay			(57.973.103)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		740.252.927	664.851.786
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.114.886.322)	(5.750.461.124)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.000.512.662)	(2.034.785.928)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kl		(169.714.604)	(717.434.168)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		840.788.951	656.820.414
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.328.925.653)	(60.613.754)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.401.000.000	10.879.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			(694.367.400)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(46.454.562)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.401.000.000	10.138.178.038
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.928.438.315)	8.042.778.356
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.557.664.377	2.514.886.021
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	VII.34	1.629.226.062	10.557.664.377

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu



Phùng Lan Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đảm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Ngọc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo Tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt nam là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp ngày 31/10/2007; Thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 1 ngày ngày 20/10/2008; thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 10/06/2009.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000đ.

Trụ sở chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được đặt tại số 198 phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà nội. Công ty hiện tại đang thuê địa điểm đặt tại C7 Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103020312 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp, lĩnh vực hoạt động của Công ty là:

Quản lý, lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện sóng, điện mặt trời và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện địa nhiệt, điện thấp sáng, điện dùng năng lượng mặt trời, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Tư vấn vận hành, bảo dưỡng và nâng cấp các nhà máy điện; Tư vấn đầu tư; Tư vấn các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM); Thiết kế kết cấu công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình trên sông; Thiết kế lắp đặt thiết bị điều khiển tự động công trình thủy điện; Thiết kế xây dựng công trình điện; Thiết kế xây dựng các công trình ngầm và khai thác mỏ; Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, hạ tầng, nông thôn: cấp thoát nước, môi trường; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện: lĩnh vực lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng và và hoàn thiện; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc, thiết kế qui hoạch, nội thất công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường bộ, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực lắp đặt thiết bị điện; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ điện; Giám sát thi công xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, lĩnh vực lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện; Lập hồ sơ dự thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, hồ sơ dự thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kiểm định công trình xây dựng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung sử dụng trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được Công ty ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|----------|
| - Phương tiện vận tải | 7-10 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 3-5 năm |
| - Phần mềm, thiết bị tin học | 3-8 năm |

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được Công ty áp dụng cho một số khoản vay, công nợ phải trả theo hình thức ký hợp đồng "hoán đổi lãi suất" với ngân hàng, hoặc hợp đồng "mua bán ngoại tệ có kỳ hạn".

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . Tiền	Đơn vị tính: VND				
	Cuối năm	Đầu năm			
Tiền mặt	358.382.256	13.429.716			
Tiền gửi ngân hàng	1.270.843.806	10.544.234.661			
Tiền đang chuyển	-	-			
Cộng	1.629.226.062	10.557.664.377			
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm			
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-			
Đầu tư ngắn hạn khác	5.000.000.000	-			
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-			
Cộng	5.000.000.000	-			
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm			
Phải thu về cổ phần hóa	-	-			
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-			
Phải thu người lao động	-	-			
Phải thu khác	244.787.475	50.000.000			
Phải trả khác dư nợ	3.276.158	4.613.760			
Cộng	248.063.633	54.613.760			
4 . Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm			
Hàng mua đang đi đường	-	-			
Nguyên liệu, vật liệu	-	-			
Công cụ, dụng cụ	-	-			
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.630.390.881	6.399.250.924			
Thành phẩm	-	-			
Hàng hoá bất động sản	-	-			
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.630.390.881	6.399.250.924			
8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TBDCQL và TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	-	-	1.239.360.481	613.406.974	1.852.767.455
-Mua trong năm	-	-	-	102.714.604	102.714.604
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.239.360.481	716.121.578	1.955.482.059
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	281.162.366	198.208.769	479.371.135
-Khấu hao trong kỳ	-	-	213.747.934	224.393.973	438.141.907
-Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	494.910.300	422.602.742	917.513.042
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	958.198.115	415.198.205	1.373.396.320
Tại ngày cuối năm	-	-	744.450.181	293.518.836	1.037.969.017

10 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	67.000.000	67.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	67.000.000	67.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	11.166.666	11.166.666
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	11.166.666	11.166.666
Giá trị còn lại của TSCĐ vô					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	55.833.334	55.833.334

14 . Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn phân bổ dần	125.246.900	-
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
Khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	125.246.900	-

16 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	129.704.364	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.036.922	-
Thuế thu nhập cá nhân	74.249.958	81.839.025
Thuế tài nguyên	-	-
Cộng	297.991.244	81.839.025

17 . Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Trích trước chi phí phải trả các công trình đang thực hiện	-	-
Chi phí phải trả khác	1.541.594.452	191.738.021
Cộng	1.541.594.452	191.738.021

18 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	43.841.302	29.049.476
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.911.000	293.047.702
Cộng	68.752.302	322.097.178

22 . **Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm trước					
Số dư đầu năm trước	3.720.000.000	-	-	-	(491.027.069)
- Tăng vốn trong năm trước	10.879.000.000	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(2.930.133.505)
- Giảm khác	-	-	-	-	(42.000.000)
Năm nay					
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	14.599.000.000	-	-	-	(3.463.160.574)
- Tăng vốn năm nay	5.401.000.000	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	934.343.987
- Phân phối	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	-	-	-	(2.528.816.587)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt nam	10.200.000.000	10.200.000.000
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.739.000.000	3.739.000.000
Công ty Cổ phần ĐT và Quản lý nguồn điện Việt nam	660.000.000	660.000.000
Các đối tượng khác	5.401.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	14.599.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	14.599.000.000	3.720.000.000
Vốn góp tăng trong năm	5.401.000.000	10.879.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	14.599.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	1.459.900
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	1.459.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	1.459.900
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	1.459.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000đ/1CP	10.000đ/1CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0
Cộng	0	0

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

25 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.955.812.997	1.018.465.455
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)	-	-
Cộng	17.955.812.997	1.018.465.455

26 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất khẩu	-	-
Cộng	-	-

27 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	-	-
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	17.955.812.997	1.018.465.455
Cộng	17.955.812.997	1.018.465.455

28 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.007.817.037	802.903.054
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	14.007.817.037	802.903.054

29 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	840.788.951	656.820.414
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	840.788.951	656.820.414

30 . Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Chi phí tài chính khác		57.973.103
Cộng	-	<u>57.973.103</u>

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) kiểm toán.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu



Phùng Lan Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đảm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Ngọc